

BÀI LÀM

Câu 1: Giá trị thặng dư tư bản chủ nghĩa là gì? Chỉ ra mối quan hệ giữa giá trị hàng hóa và giá trị thặng dư. Hãy nêu các hình thức biểu hiện giá trị thặng dư trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

a. Giá trị thặng dư tư bản chủ nghĩa là phần giá trị dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân tạo ra và bị nhà tư bản chiếm đoạt.

b. Mối quan hệ giữa giá trị hàng hóa và giá trị thặng dư:

Giá trị của hàng hoá: là hao phí lao động xã hội của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá.

Giá trị thặng dư tư bản chủ nghĩa là phần giá trị dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân tạo ra và bị nhà tư bản chiếm đoạt.

Theo Mác, kết quả của lao động cụ thể tạo ra giá trị sử dụng của hàng hóa. Lao động cụ thể là lao động hao phí dưới một hình thức cụ thể của một nghề nghiệp chuyên môn nhất định, có mục đích riêng, đối tượng riêng, thao tác riêng, phương tiện riêng và kết quả riêng.

Trong nền sản xuất hàng hóa đơn giản, tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa là sự biểu hiện của mâu thuẫn giữa lao động tư nhân và lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa. Qua nghiên cứu, Mác kết luận: “Tư bản không thể xuất hiện từ lưu thông mà cũng không xuất hiện ở người lưu thông. Nó phải xuất hiện trong lưu thông và đồng thời không phải trong lưu thông”. Để giải quyết mâu thuẫn này, Mác đã phát hiện ra nguồn gốc sinh ra giá trị hàng hóa – sức lao động. Quá trình sản xuất ra tư bản chủ nghĩa là quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư. Phần giá trị mới lớn hơn giá trị sức lao động được tính bằng giá trị sức lao động cộng thêm giá trị thặng dư. Như vậy, giá trị thặng dư là phần giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân tạo ra và bị các nhà tư bản chiếm đoạt.

Bản chất quá trình sản xuất giá trị thặng dư, C.Mác chia tư bản thành 2 bộ phận: Tư bản bất biến và tư bản khả biến.

Trong đó: Tư bản bất biến là bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái tư liệu sản xuất mà giá trị được bảo tồn và chuyển vào sản phẩm, từ là giá trị không biến đổi về lượng trong quá trình sản xuất, ký hiệu là c.

Tư bản khả biến là bộ phận tư bản biểu hiện dưới hình thức giá trị sức lao động trong quá trình sản xuất đã tăng thêm về lượng, ký hiệu là v.

Giá trị của một hàng hóa của một hàng hóa bằng giá trị tư bản bất biến mà nó chứa đựng, cộng với giá trị của tư bản khả biến. Qua sự phân chia tư bản bất biến và tư bản khả biến, ta thấy được bản chất bóc lột tư bản chủ nghĩa, chỉ có lao động của công nhân là thuê mới

tạo ra giá trị thặng dư của nhà tư bản. Tư bản đã bóc lột một phần giá trị mới do công nhân tạo ra. Như vậy, giá trị mà tư bản bỏ ra một giá trị $c + v$. Nhưng giá trị mà t bản thu vào là giá trị hàng hóa ($c + v + m$). Phần giá trị thặng dư (n) là phần dôi ra mà tư bản bóc lột.

Điểm giống và khác nhau giữa giá trị hàng hóa và giá trị thặng dư :

Giống nhau: Do hao phí lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa tạo ra.

Khác nhau:

Giá trị hàng hóa : là sự kết tinh giữa lao động quá khứ (c) và lao động hiện tại tức lao động tạo ra giá trị mới ($v + m$). Giá trị hàng hóa là biểu hiện mối quan hệ sản xuất xã hội giữa những người sản xuất hàng hóa.

Giá trị thặng dư: là một bộ phận giá trị mới ($v + m$), là bộ phận cấu thành nên giá trị hàng hóa. Giá trị thặng dư là biểu hiện mối quan hệ giữa người sở hữu tư liệu sản xuất và người sở hữu hàng hóa sức lao động (giữa nhà Tư bản và người làm thuê).

C.Mác khẳng định: “*Nếu người ta tìm được cách biến than thành kim cương với một ít chi phí lao động, thì có lẽ giá trị của kim cương sẽ tụt xuống thấp hơn giá trị của gạch*” [M-Ă toàn tập, T23, tr. 69]. Để đạt được mục đích có nhiều giá trị thặng dư, nhà tư bản phải quan tâm đến chất lượng, mẫu mã hàng hóa để nhằm bán được hàng hoá, thực hiện được giá trị của hàng hoá để có giá trị thặng dư.

c. Các hình thức biểu hiện giá trị thặng dư trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa:

1. Lợi nhuận thương nghiệp

Lợi nhuận thương nghiệp là một phần giá trị thặng dư được tạo ra trong quá trình sản xuất mà nhà tư bản công nghiệp nhượng cho tư bản thương nghiệp, để tư bản thương nghiệp bán hàng hoá thay cho mình. Thực chất, lợi nhuận thương nghiệp chỉ là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư nên nguồn gốc của lợi nhuận thương nghiệp chính là một bộ phận lao động của công nhân không được trả công.

2. Lợi tức và tỷ suất

Lợi tức là một phần của lợi nhuận bình quân mà nhà tư bản đi vay trả cho nhà tư bản cho vay về quyền sở hữu tư bản để được quyền sử dụng tư bản trong một thời gian nhất định. Ký hiệu là Z . Tỷ suất lợi tức là tỷ lệ phần trăm giữa tổng số lợi tức và số tư bản tiền tệ cho vay trong một thời gian nhất định. Ký hiệu Z' .

3. Địa tô

Địa tô tư bản chủ nghĩa là một phần dôi ra ngoài lợi nhuận bình quân (lợi nhuận siêu ngạch) của tư bản kinh doanh trong nông nghiệp do công nhân nông nghiệp tạo ra, là số

tiền mà nhà tư bản kinh doanh trong nông nghiệp phải trả cho địa chủ để được sử dụng ruộng đất trong một thời gian nhất định.

Các hình thức địa tô tư bản chủ nghĩa gồm:

Địa tô chênh lệch là phần lợi nhuận siêu ngạch ngoài lợi nhuận bình quân, thu được trên những ruộng đất có điều kiện sản xuất thuận lợi. (Nó là số chênh lệch giữa giá cả sản xuất chung của nông phẩm được quyết định bởi điều kiện sản xuất trên ruộng đất xấu nhất và giá cả sản xuất cá biệt trên ruộng đất có điều kiện canh tác thuận lợi hơn).

Địa tô tuyệt đối là phần lợi nhuận siêu ngạch ngoài lợi nhuận bình quân mà mọi nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp đều phải nộp trả cho địa chủ, dù ruộng đất đó là tốt hay xấu.

Câu 2: Tại sao các quốc gia cần phải tiến hành công nghiệp hóa? Phân tích đặc trưng chiến lược công nghiệp hóa của Hàn Quốc và rút ra bài học cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay.

a, Các quốc gia cần phải tiến hành công nghiệp hóa hiện đại hóa vì: Công nghiệp hóa - hiện đại hóa có vai trò vô cùng quan trọng. Hiện đại hóa là quá trình sử dụng công nghệ tiên tiến hiện đại phù hợp với công nghệ của thế giới để chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

Tạo điều kiện để biến đổi về chất lượng sản xuất, trang thiết bị sản xuất từ đó tăng năng suất lao động, tăng trưởng và phát triển kinh tế, góp phần ổn định và nâng cao đời sống nhân dân tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho dân cư nông thôn tạo tiền đề để giải quyết hàng loạt các vấn đề chính trị - xã hội của đất nước. Tạo điều kiện thuận lợi cho khoa học và công nghệ phát triển nhanh đạt trình độ tiên tiến hiện đại. Tạo điều kiện vật chất cho việc củng cố, nâng cao năng lực quản lý, khả năng tích lũy và phát triển sản xuất, tạo ra nhiều việc làm, nâng cao thu nhập, giúp cho sự phát triển tự do toàn diện của con người trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội. Tạo điều kiện vật chất cho việc tăng cường củng cố an ninh và quốc phòng. Tạo điều kiện vật chất cho việc xây dựng nền kinh tế dân tộc tự chủ, đủ sức thực hiện sự phân công và hợp tác quốc tế.

b, Đặc trưng chiến lược công nghiệp hóa của Hàn Quốc và rút ra bài học đối với Việt Nam:

Hiện trạng kinh tế Việt Nam: Kinh tế Việt Nam đã trải qua thời kỳ đổi mới gần 30 năm. Nhờ các chính sách đổi mới mà tốc độ tăng trưởng GDP đạt mức khá cao: bình quân 7,6%/năm giai đoạn 1991-2000; 7,4%/năm giai đoạn 2001-2010; Từ năm 2010, GDP bình quân đầu người đã vượt qua ngưỡng 1.000 USD, chính thức vượt qua tình trạng nước nghèo để gia nhập nhóm nước có mức thu nhập trung bình (thấp). Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn nhiều mặt hạn chế, trong đó phải kể đến tính thiếu ổn định của kinh tế vĩ mô: biên độ giao động của mức lạm phát cao, tỷ lệ vốn đầu tư/GDP lớn, tốc độ tăng

trường GDP có xu hướng giảm dần... Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trọng tâm của nước ta hiện nay.

Hàn Quốc đã từng là một trong số ít nền kinh tế đạt được thành tích tăng trưởng kinh tế đặc biệt xuất sắc: chỉ trong vòng khoảng 30 năm (từ giữa những năm 1960 đến giữa những năm 1990 của thế kỷ trước) từ một nước nghèo, đất hẹp người đông, tài nguyên khan hiếm trở thành một nước công nghiệp, nền kinh tế Hàn Quốc trở thành một trong bốn nền kinh tế phát triển nổi trội ở khu vực Đông Bắc Á, được xếp vào hàng thứ 11 trong số các nền kinh tế phát triển mạnh hiện nay. Được công nhận rộng rãi dưới danh hiệu “Kỳ tích sông Hàn”, nhờ chính sách phát triển kinh tế năng động của chính phủ cho thấy năng lực thể chế của mô hình chiến lược phát triển Hàn Quốc thật đáng tham khảo.

Vào thập niên 1960, Chính quyền quân sự của Tổng thống Park Chung Hee đã ban hành nhiều biện pháp nhằm thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu công nghiệp chế biến, chế tạo.

Vào thập niên 1980 đến nay, Hàn Quốc từ bỏ chính sách “can thiệp trực tiếp” của Chính phủ vào phát triển công nghiệp để chuyển sang chính sách kinh tế tự do. Hàn Quốc đã tự do hóa cả thương mại và tài chính, tiến hành nhiều cải cách chính sách quan trọng đối với khu vực tài chính, công nghiệp, tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước và thị trường lao động, giúp tự do hóa nền kinh tế hơn nữa.

Hình thành cơ sở vững chắc của nền kinh tế định hướng đổi mới. Cải cách khu vực công nghiệp tập trung vào việc cải tổ các Chaebol bằng các biện pháp buộc các Chaebol thực hiện các biện pháp. Làm như vậy nhằm thúc đẩy quá trình hợp tác qua lại giữa Hàn Quốc với các quốc gia Đông Bắc Á. Các biện pháp này đã làm thay đổi đáng kể kinh tế - xã hội của Hàn Quốc.

Chuyển từ phát triển định lượng sang phát triển định chất các cụm công nghiệp ở các thành phố lớn. Làm như vậy là nhằm từng bước giảm dần khoảng cách sinh hoạt kinh tế xã hội, công nghệ sản xuất giữa các trung tâm công nghiệp lớn và các cụm công nghiệp địa phương, cũng như giữa các vùng miền trong cả nước.

Rút ra những bài học:

Thể chế kinh tế thị trường: Nhìn dài hạn, các nền kinh tế phát triển trên thế giới đều là những nền kinh tế thị trường. Trong thời kỳ công nghiệp hóa, Hàn Quốc chuyển từ nền kinh tế thị trường trình độ thấp lên nền kinh tế thị trường trình độ cao, hội nhập vào thể chế kinh tế thị trường hiện đại, dù sao cũng dễ dàng hơn so với Việt Nam do cùng một loại thể chế kinh tế. Việt Nam hiện chuyển sang kinh tế thị trường, hội nhập vào thể chế kinh tế thị trường của thế giới hiện đại từ thể chế kinh tế KHH tập trung, phi thị trường, nên bước chuyển gặp nhiều khó khăn hơn. Vì vậy, chia sẻ kinh nghiệm từ Hàn Quốc, điều đầu tiên là chia sẻ việc vận dụng triệt để kinh tế thị trường.

Nhà nước phát triển: Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, dù nghiêng theo học thuyết kinh tế nào thì cũng đều thừa nhận nguyên lý chung: Nhà nước tất yếu phải can thiệp vào

nền kinh tế. Trong lịch sử quan hệ Nhà nước – Thị trường trên thế giới, đã xuất hiện mô hình “nhà nước phát triển”, được cho là sản phẩm in đậm dấu ấn của thời kỳ công nghiệp hóa ở các nước Đông á (Nhật Bản, Hàn Quốc).

Khu vực kinh tế tư nhân và các Cheabol: Đặc trưng kinh tế chung của kinh tế thị trường là sự đa dạng về sở hữu, nhà nước pháp quyền và chế độ hợp đồng, trong đó khu vực kinh tế tư nhân đóng vai trò động lực. Hàn Quốc trong quá trình công nghiệp hóa đã sử dụng rất thành công cơ cấu công nghiệp hai tầng, trong đó sự phối hợp chặt chẽ giữa các tập đoàn kinh tế lớn (các Cheabol ở Hàn Quốc) nơi có sự tập trung tiềm lực kinh tế, khoa học – công nghệ, nhân lực, năng lực cạnh tranh để mở rộng thị trường trên quy mô quốc tế; với hệ thống các doanh nghiệp vừa và nhỏ, - nơi hình thành mạng lưới các nhà thầu phụ dày đặc, tạo thành nền công nghiệp phụ trợ mạnh mẽ, cung cấp các sản phẩm trung gian cho các tập đoàn kinh tế lớn.

Phát triển vốn xã hội hay năng lực xã hội: Chính phủ Hàn Quốc rất coi trọng phát triển giáo dục, coi giáo dục là chìa khoá dẫn đến thành công thông qua việc ban hành chính sách giáo dục miễn phí và bắt buộc cho tới hết trung học. Một bài học quan trọng khác để tìm kiếm cơ hội phát triển từ kinh nghiệm của Hàn Quốc là phát triển vốn xã hội hay năng lực xã hội. Vai trò quan trọng của vốn xã hội hay năng lực xã hội đối với phát triển kinh tế - xã hội ngày càng được thừa nhận và đề cao. Khả năng hình thành sự nhất trí cao của toàn dân và nhất là ý thức trách nhiệm cao trong việc tạo cơ chế, điều kiện để khơi dậy các tiềm năng của đất nước, trong đó có cả phương châm trọng dụng nhân tài.

Vai trò của khoa học - công nghệ: Bản chất của công nghiệp hóa - hiện đại hóa xét về mặt trình độ phát triển lực lượng sản xuất là thay đổi trình độ công nghệ - kỹ thuật của nền sản xuất theo hướng hiện đại.

Chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu và bối cảnh quốc tế hiện nay: Tư tưởng cơ bản của công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu mà Hàn Quốc đã áp dụng là hệ thống các chính sách làm lợi cho những sản phẩm xuất khẩu. Trong tính hệ thống và đồng bộ của nó, các chính sách khuyến khích xuất khẩu đảm bảo cho những nhà sản xuất nếu đem bán sản phẩm của mình ra thị trường thế giới thì sẽ thu được lợi nhuận cao hơn so với việc đem bán cũng những sản phẩm ấy trên thị trường nội địa. Các chính sách khuyến khích xuất khẩu thường gồm: Không đánh thuế hàng xuất khẩu hay hàng nhập khẩu là những loại nguyên vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu. Xây dựng các khu vực mậu dịch tự do, các khu chế xuất với các quy chế đặc biệt để khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài và giao thương quốc tế,...

Đối với các nước đang phát triển, thông qua cách quản lý của chính phủ, kỳ tích giống như Hàn Quốc có thể xảy ra theo xu hướng tốt hơn và nhanh hơn rất nhiều do có lợi thế của người đi sau. Do đó, cần thận trọng và bao dung việc trong tìm hiểu các vấn đề và tìm kiếm các giải pháp khả thi tốt nhất. Quản lý nhà nước dựa trên cơ sở phát triển bền vững, thống nhất với nguyên tắc chuẩn mực, nguyên tắc quốc tế trong phát triển bền vững chắc chắn sẽ đạt mục tiêu chung của tất cả các quốc gia và tạo tính đồng thuận cao giữa các nước.

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

Câu hỏi	Câu trả lời
<p>Câu 1: Phân tích nội dung cơ bản của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam?</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Tạo lập những điều kiện để có thể thực hiện chuyển đổi từ nền sản xuất – xã hội lạc hậu sang nền sản xuất – xã hội tiến bộ. <ol style="list-style-type: none"> 1, Nội dung quan trọng hàng đầu để thực hiện thành công công nghiệp hóa, hiện đại hóa là phải thực hiện tạo lập các điều kiện cần thiết trên tất cả các mặt của đời sống sản xuất xã hội 2, Các điều kiện cần có như: tư duy phát triển, thể chế và nguồn lực; môi trường quốc tế thuận lợi và trình độ văn minh của xã hội, ý thức xây dựng xã hội văn minh của người dân. 3, Phải thực hiện đồng thời các nhiệm vụ chứ không phải chuẩn bị đầy đủ mới thực hiện CNH, HĐH. • Thực hiện các nhiệm vụ để chuyển đổi từ nền sản xuất – xã hội lạc hậu sang nền sản xuất – xã hội hiện đại: <ol style="list-style-type: none"> 1, Đẩy mạnh ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ mới, hiện đại 2, Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý và hiệu quả 3, Từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất 4, Sẵn sàng thích ứng với tác động của bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (4.0)
<p>Câu 2: Sản xuất hàng hóa ra đời trong điều kiện nào? <i>Hiện nay Việt Nam có điều kiện để phát triển sản xuất hàng hóa không?</i> Vì sao?</p>	<p>Hiện nay Việt Nam có những điều kiện sau để phát triển sản xuất hàng hóa:</p> <p>Trong thời buổi hội nhập kinh tế, toàn cầu hóa hiện nay thì đã đặt ra nhiều cơ hội để phát triển sản xuất hàng hóa:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đầu tiên trong vấn đề phân công lao động xã hội thì bởi toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế thì càng ngày càng có nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau phát triển làm tăng sự trao đổi hàng hóa. Thị trường trao đổi hàng hóa không còn bị bó hẹp trong phạm vi một nước, một vùng lãnh thổ nhất định mà là mở rộng ra trên khắp thế giới. • Tiếp theo, do sản xuất hàng hóa ra đời trên cơ sở phân công lao động xã hội, chuyên môn hóa sản xuất, và bởi vậy nên sản xuất hàng hóa khai thác được những lợi thế về tự nhiên, xã hội, kỹ thuật của từng người, của từng cơ sở sản xuất cũng như từng vùng, từng địa phương. Và ở Việt Nam cũng có nhiều lợi thế về việc sản xuất nông nghiệp có nhiều vùng chuyên canh lớn nên Việt Nam có rất nhiều cơ hội để phát triển sản xuất hàng hóa.
<p>Câu 3: Giá cả hàng hóa là gì? <i>Giá cả lên xuống do nhân tố nào chi phối?</i> Yếu tố nào quyết định giá cả? <i>Lạm phát</i> có liên quan đến giá cả như thế nào?</p>	<p>Giá cả của hàng hoá phụ thuộc vào 4 yếu tố:</p> <p>Một là: Giá trị của hàng hoá, Hai là: Giá trị của tiền tệ, Ba là: Quan hệ cung – cầu về hàng hoá trên thị trường, Ngoài ra, giá cả hàng hóa còn chịu sự tác động của quan hệ cạnh tranh.</p> <p>Một là: Giá trị của hàng hoá – yếu tố quyết định giá cả:</p> <p>Giá trị của hàng hóa là hao phí lao động xã hội của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa. Giá trị hàng hóa biểu hiện mối quan hệ kinh tế giữa những người sản xuất trao đổi hàng hóa và là phạm trù có tính lịch sử. Giá trị trao đổi là biểu hiện ra bên ngoài của giá trị; giá trị là nội dung, cơ sở của trao</p>

	<p>đổi.</p> <p>Giá trị của hàng hóa tỷ lệ THUẬN với giá cả của hàng hóa. Giá cả sẽ cao hơn giá trị của hàng hóa nếu số lượng cung thấp hơn cầu và ngược lại.</p> <p>Giá trị hàng hóa là nội dung của giá cả, là nhân tố quyết định nên giá cả. Khi cung và cầu của một hay một loại hàng hóa về cơ bản ăn khớp với nhau thì giá cả phản ánh và phù hợp với giá trị của hàng hóa đó.</p> <p>Giá trị của hàng hóa (giá trị của 1 đơn vị hàng hóa) lại chịu sự tác động của 3 yếu tố là: năng suất lao động, cường độ lao động và mức độ phức tạp của lao động.</p> <p>Hai là: Giá trị của tiền tệ</p> <p>Tỷ lệ NGHỊCH với giá cả hàng hoá...</p> <p>Giá trị tiền tệ càng cao tức tiêu chuẩn giá cả cao thì giá cả hàng hóa so với tiền vàng càng thấp</p> <p>Ba là: Quan hệ cung – cầu về hàng hoá trên thị trường</p> <p>Quy luật cung – cầu có tác dụng điều tiết quan hệ giữa sản xuất và lưu thông hàng hóa, làm biến đổi cơ cấu và dung lượng thị trường, quyết định giá cả thị trường. Bởi trên thị trường, cung – cầu có mối quan hệ hữu cơ với nhau, thường xuyên tác động lẫn nhau và ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả. Nếu cung lớn hơn cầu thì giá cả thấp hơn giá trị, ngược lại nếu cung nhỏ hơn cầu thì giá cả cao hơn giá trị. Nếu cung bằng cầu thì giá cả bằng giá trị</p> <p>Ngoài ra, giá cả hàng hóa còn chịu sự tác động của quan hệ cạnh tranh</p> <p>Cạnh tranh là sự ganh đua giữa những chủ thể kinh tế với nhau nhằm có được những ưu thế về sản xuất, tiêu thụ và thông qua đó mà thu được lợi ích tối đa. Và một trong những biện pháp cạnh tranh trong nội bộ ngành đó là tìm cách hạ thấp giá trị cá biệt hàng hóa, làm cho giá trị hàng hóa của doanh nghiệp sản xuất ra thấp hơn giá trị xã hội của hàng hóa đó.</p> <p>Lạm phát có liên quan gì đến giá cả?</p> <p>Lạm phát là tình trạng mức giá chung của hàng hóa tăng liên tục trong một thời gian nhất định. Có ba mức độ lạm phát đó là vừa phải (ở mức một con số dưới 10%); siêu mã (ở mức hai con số lớn hơn 10%); siêu lạm phát (ở mức ba con số). Hậu quả của lạm phát là phân phối lại các nguồn thu nhập; khuyến khích đầu cơ hàng hóa, cản trở sản xuất kinh doanh; giảm mức sống của người lao động</p> <p>- Lạm phát xuất hiện là do tiền vàng được phát hành quá nhiều, vượt quá lượng tiền vàng cần thiết cho lưu thông mà tiền giấy làm đại diện, sẽ làm cho tiền giấy bị mất giá trị, giá cả hàng hóa tăng lên dẫn đến lạm phát.</p> <p>Vì khối lượng tiền cần thiết cho lưu thông tỷ lệ thuận với tổng giá cả hàng hóa được đưa ra thị trường và tỷ lệ nghịch với tốc độ lưu thông tiền tệ.</p>
<p>Câu 4: Quy luật giá trị có phải là quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất hàng hóa không? Vì sao?</p>	<p>Quy luật giá trị là quy luật kinh tế của nền sản xuất hàng hóa. Ở đâu có sản xuất và trao đổi hàng hóa thì ở đó có sự hoạt động của quy luật giá trị. Vì việc sản xuất và trao đổi hàng hóa phải được tiến hành trên cơ sở của giá trị (hao phí lao động xã hội cần thiết). Quy luật giá trị có tác dụng đào thải cái lạc hậu, lỗi thời, kích thích sự tiến bộ, làm cho lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ; tác dụng lựa chọn, đánh giá người sản xuất, bảo đảm sự bình đẳng đối với người sản xuất; và cả những tác động tích cực lẫn tiêu</p>

	cực
<p>Câu 5: Tiền là gì, tiền có mấy chức năng? Chức năng nào phải dùng tiền vàng? Chức năng nào liên quan đến xuất hiện tiền giấy? Chức năng nào là cơ bản nhất, vì sao?</p>	<ul style="list-style-type: none"> Chức năng phải dùng đến tiền vàng là thước đo giá trị vì khi thực hiện chức năng thước đo giá trị, tiền đi dùng để biểu hiện và đo lường giá trị của tất cả các hàng hoá khác nhau. Do đo lường giá trị các hàng hoá, tiền cũng phải có giá trị. Vì vậy để thể hiện chức năng thước đo giá trị người ta ngầm hiểu đó là tiền vàng. Sở dĩ như vậy là vì giữ giá trị của vàng và giá trị của hàng hoá trong thực tế đã phản ánh lượng lao động xã hội hao phí nhất định. Chức năng liên quan đến xuất hiện tiền giấy là phương tiện lưu thông. Vì khi thực hiện chức năng phương tiện lưu thông, tiền làm môi giới cho quá trình trao đổi hàng hoá. Để phục vụ lưu thông hàng hoá, ban đầu nhà nước đúc vàng thành những đơn vị tiền tệ nhất định, sau đó đúc tiền bằng kim loại. Dần dần, xã hội nhận thấy để thể hiện chức năng phương tiện lưu thông không nhất thiết phải dùng tiền vàng, mà chỉ cần kí hiệu giá trị. Từ đó tiền giấy ra đời. Chức năng phương tiện trao đổi là chức năng cơ bản của tiền tệ, nó không chỉ giúp chúng ta phân biệt giữa tiền với những dạng tài sản khác như chứng khoán, bất động sản... mà còn biểu hiện một trạng thái động của tiền tệ khi bộc lộ bản chất kinh tế vốn có. Thực hiện chức năng này tiền tệ đã tạo điều kiện cho quan hệ trao đổi hàng hoá trở nên thuận tiện.
<p>Câu 6: Có mấy nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hoá? Các nhân tố ảnh hưởng đến đại lượng giá trị hàng hoá như thế nào? Cho ví dụ minh họa?</p>	<p>Có 3 nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá. Đó là năng suất lao động, cường độ lao động và tính chất phức tạp hay giản đơn của lao động. Do thời gian lao động xã hội cần thiết luôn thay đổi, nên lượng giá trị của hàng hoá cũng là một đại lượng không cố định. Sự thay đổi lượng giá trị của hàng hoá tùy thuộc vào những nhân tố sau:</p> <p>Năng suất lao động</p> <ul style="list-style-type: none"> Khái niệm: Năng suất lao động là năng lực sản xuất của lao động, nó được tính bằng số lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian hoặc số lượng thời gian cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm. Có hai loại năng suất lao động: năng suất lao động cá biệt và năng suất lao động xã hội nhưng chỉ có năng suất lao động xã hội có ảnh hưởng đến giá trị xã hội của hàng hoá vì trên thị trường, hàng hoá được trao đổi không phải theo giá trị cá biệt mà theo giá trị xã hội Năng suất lao động lại tùy thuộc vào nhiều nhân tố như: trình độ khéo léo của người lao động, sự phát triển của khoa học - kỹ thuật và trình độ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, sự kết hợp xã hội của sản xuất, hiệu quả của tư liệu sản xuất và các điều kiện tự nhiên Anh hưởng của năng suất lao động tới lượng giá trị của hàng hoá: năng suất lao động xã hội càng tăng, thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hoá càng giảm, lượng giá trị của một đơn vị sản phẩm càng ít. Ngược lại năng suất lao động xã hội càng giảm, thì thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hoá càng tăng và lượng giá trị của một đơn vị sản phẩm càng nhiều. Lượng giá trị của một đơn vị hàng hoá tỷ lệ thuận với số lượng lao động kết tinh và tỷ lệ nghịch với năng suất

	<p>lao động xã hội. Như vậy, muốn giảm giá trị của mỗi đơn vị hàng hoá xuống, thì ta phải tăng năng suất lao động xã hội</p> <p>Cường độ lao động</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khái niệm: Cường độ lao động là khái niệm nói lên mức độ khẩn trương, là sự căng thẳng mệt mỏi của người lao động • Ảnh hưởng của cường độ lao động đến lượng giá trị hàng hoá: khi cường độ lao động tăng lên, thì lượng lao động hao phí trong cùng một đơn vị thời gian cũng tăng lên và lượng sản phẩm được tạo ra cũng tăng lên tương ứng còn lượng giá trị của một đơn vị sản phẩm thì không đổi. Xét về bản chất, tăng cường độ lao động cũng giống như kéo dài thời gian lao động. <p>Tính chất phức tạp hay giản đơn của lao động</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mức độ phức tạp của lao động cũng ảnh hưởng nhất định đến lượng giá trị của hàng hoá. Theo mức độ phức tạp của lao động có thể chia lao động thành lao động giản đơn và lao động phức tạp. • Lao động giản đơn là sự hao phí lao động một cách giản đơn mà bất kỳ một người bình thường nào có khả năng lao động cũng có thể thực hiện được. Lao động phức tạp là lao động đòi hỏi phải được đào tạo, huấn luyện thành lao động lành nghề. Trong cùng một đơn vị thời gian lao động như nhau, lao động phức tạp tạo ra được nhiều giá trị hơn so với lao động giản đơn. • Trong nền sản xuất hàng hoá, hoạt động trao đổi diễn ra liên tục, phức tạp. Để thuận tiện cho trao đổi, người ta lấy lao động giản đơn trung bình làm đơn vị trao đổi và quy tất cả lao động phức tạp thành lao động giản đơn T. <p>Ví dụ các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá</p> <p>Công ty trước đó sản xuất cần 2h/sp và sau khi tăng năng suất lao động thì chỉ cần 1h/sp.</p> <p>+ Để tăng năng suất lao động thì ta có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Áp dụng kỹ thuật công nghệ mới • Nâng cao trình độ người lao động • Tổ chức, quản lý lao động khoa học
<p>Câu 7: Nêu sự cần thiết phải phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p>	<p><i>Việc nước ta phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Nền kinh tế nước ta khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội còn mang nặng tính tư cung tư cấp, vì vậy sản xuất hàng hoá phát triển sẽ phá vỡ dần kinh tế tự nhiên chuyển dần sang nền kinh tế hàng hoá, thúc đẩy sự xã hội hoá sản xuất. • Khi kinh tế hàng hoá phát triển tới một mức nào đó cao hơn nó sẽ chuyển sang nền kinh tế thị trường. • Như vậy sự phát triển kinh tế thị trường sẽ thúc đẩy quá trình tích tụ và tập trung sản xuất, do đó tạo điều kiện cho sự ra đời của sản xuất lớn mang tính xã hội hoá cao, đồng thời chọn lọc được những người sản xuất kinh doanh giỏi, hình thành đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ cao, lao động lành nghề đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước.

	<ul style="list-style-type: none"> Mặt khác phát triển nền kinh tế thị trường sẽ giúp chúng ta giải phóng sức sản xuất, động viên mọi nguồn lực trong và ngoài nước để thực công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hoá đất nước, xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội, cải thiện từng bước đời sống của nhân dân. Việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa sẽ thúc đẩy các doanh nghiệp tích cực cải tiến trang thiết bị để có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài. Qua đó nhằm cải tiến kỹ thuật và nâng cao chất lượng sản phẩm, và năng suất lao động. Và với một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thì chúng ta mới đi đến mục tiêu không còn áp bức bóc lột, xã hội dân chủ công bằng văn minh, đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện, nhằm xây dựng tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển, cùng sánh vai với các cường quốc năm châu và thực hiện ước muốn của chủ tịch Hồ Chí Minh và toàn thể nhân dân ta.
<p>Câu 8: Sự cần thiết khách quan phải hội nhập kinh tế quốc tế? Hội nhập quốc tế là gì? Lợi ích từ Hội nhập kinh tế đến sự phát triển kinh tế của Việt Nam?</p>	<p>Hội nhập kinh tế là quá trình quốc gia thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung.</p> <p>Hội nhập quốc tế được hiểu như là công cuộc các nước tiến hành các hoạt động gia tăng cường sự gắn kết họ với nhau dựa trên sự chia sẻ về lợi ích, mục đích, trị giá, nguồn lực, quyền lực (thẩm quyền định đoạt chính sách) và tuân thủ các luật chơi chung trong khuôn khổ các định chế hoặc đơn vị quốc tế</p> <p>Sự cần thiết khách quan phải hội nhập kinh tế quốc tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thứ nhất, do xu thế khách quan trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế. Thứ hai, hội nhập kinh tế quốc tế là phương thức phát triển phổ biến của các nước, nhất là các nước đang và kém phát triển trong điều kiện hiện nay. <p>Lợi ích từ Hội nhập kinh tế đến sự phát triển kinh tế của VN:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hội nhập quốc tế là cơ hội để VN tiếp cận và sử dụng các nguồn lực bên ngoài như tài chính, KHCN, kinh nghiệm của các nước để áp dụng với nước mình Hội nhập kinh tế là con đường có thể giúp VN có thể tận dụng thời cơ phát triển rút ngắn, thu hẹp khoảng cách với các nước tiên tiến, khắc phục nguy cơ tụt hậu ngày càng rõ rệt. Hội nhập quốc tế còn tác động tích cực đến việc ổn định kinh tế vĩ mô. Việc mở cửa thị trường, thu hút vốn không chỉ thúc đẩy CNH mà còn tăng tích lũy, cải thiện thâm hụt ngân sách, tạo niềm tin cho các chương trình hỗ trợ quốc tế trong cải cách kinh tế và mở cửa. Ngoài ra, hội nhập kinh tế quốc tế còn tạo nhiều cơ hội việc làm và nâng cao mức thu nhập tương đối của các tầng lớp dân cư.

Thể chế kinh tế

Là hệ thống quy tắc, luật pháp, bộ máy quản lý và cơ chế vận hành nhằm điều chỉnh hành vi của các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế.

Các nhân tố cấu thành bao gồm:

- Hệ thống pháp luật về kinh tế của nhà nước và các quy tắc xã hội được nhà nước thừa nhận.
- Hệ thống các chủ thể thực hiện các hoạt động kinh tế.
- Các cơ chế, phương pháp, thủ tục thực hiện các quy định và vận hành nền kinh tế.

Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Là hệ thống đường lối chủ trương chiến lược, hệ thống luật pháp, chính sách quy định xác lập cơ chế vận hành, điều chỉnh chức năng hoạt động, mục tiêu, phương thức hoạt động, các mối quan hệ lợi ích của các tổ chức, các chủ thể kinh tế nhằm hướng tới xác lập đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường hiện đại theo hướng góp phần thúc đẩy dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Vì sao Việt nam phải hoàn thiện thể chế

- Để đẩy mạnh hiệu quả doanh nghiệp và giúp cho đội ngũ doanh nghiệp lớn mạnh
- Để kinh tế tập thể được quan tâm đổi mới, kinh tế tư nhân được coi trọng
- Để thu hút vốn đầu tư nước ngoài đạt được hiệu quả tích cực
- Để các yếu tố thị trường và các loại thị trường được hình thành đồng bộ hơn, gắn kết với thị trường khu vực và thế giới
- Môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, thông thoáng hơn, quyền tự do kinh doanh và tự do bình đẳng giữa các doanh nghiệp được đảm bảo hơn
- Phát triển kinh tế và tiến bộ công bằng xã hội được chú trọng, tạo cơ hội cho người dân tham gia và nhận được thành quả từ quá trình phát triển kinh tế

Câu 2:

Nội dung hoàn thiện thể chế:

- Hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp
- Hoàn thiện thể chế để phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường
- Hoàn thiện thể chế để đảm bảo gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội
- Hoàn thiện thể chế thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế
- Hoàn thiện thể chế nâng cao năng lực hệ thống chính trị

Nội dung cơ bản nhất. Vì sao:

- Nội dung cơ bản nhất là hoàn thiện thể chế về sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp.
- Đó là nội dung cơ bản nhất vì:
 - Giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất và không ngừng nâng cao đời sống nhân dân.

- Đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát khỏi nghèo và từng bước khá giả hơn.
- Phát triển kinh tế vì con người, giải phóng lực lượng sản xuất, nâng cao đời sống cho mọi người, mọi người đều được hưởng những thành quả của sự phát triển.
- Hoàn thiện thể chế này nhằm thực hiện “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”

Câu 3. Ưu và nhược điểm:

Ưu điểm:

Những sự đổi mới tư duy sáng suốt của Đảng ta đã mang lại cho đất nước nhiều thành tựu: tăng trưởng kinh tế, vị thế của đất nước trên thương trường ngày càng cao, từ một đất nước thiếu lương thực nay trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu lương thực hàng đầu thế giới...

Nhược điểm:

Việc xây dựng và hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN ở nước ta thực hiện còn chậm; một số quy định pháp luật, cơ chế, chính sách còn chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu ổn định, nhất quán; còn có biểu hiện lợi ích cục bộ, chưa tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển

VAI TRÒ CỦA CÔNG DÂN NÊU LÊN NHIỆM VỤ HOÀN THÀNH THỂ CHẾ

- **Quan tâm đến đời sống chính trị - xã hội của địa phương, đất nước**, đồng thời **Tin tưởng và thực hiện tốt mọi chủ trương**, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước;
- Thực hiện tích cực và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân (VD: tham gia rộng rãi và thường xuyên vào các công việc quản lý kinh tế, quản lý xã hội)
- **Tập trung giáo dục lịch sử**, truyền thống đấu tranh, kiên cường bất khuất của nhân dân ta => **làm cho mỗi người, mỗi thanh niên tự hào** về truyền thống lịch sử dân tộc, soi mình vào những tấm gương ấy.
- Tích cực tham gia góp phần xây dựng quê hương bằng những việc làm thiết thực, phù hợp khả năng như: tham gia bảo vệ môi trường, tham gia những hoạt động mang tính xã hội như hiến máu tình nguyện, làm tình nguyện viên...
- Biết phê phán, đấu tranh với những hành vi đi ngược lại lợi ích quốc gia, dân tộc.

Câu 4:

Phương hướng hoàn thiện thể chế?

- Nhận thức rõ quá trình xây dựng và hoàn thiện nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam
- Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường.
- Phát triển các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp

- Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường. Tiếp tục hoàn thiện thể chế về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh
- Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân
- Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Làm thế nào để nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng?

- Xác định đúng nhiệm vụ chính trị, chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng
- Đổi mới phương thức, phong cách làm việc của tổ chức Đảng
- Thực hiện nghiêm túc công tác tự phê bình, phê bình mở rộng dân chủ trong sinh hoạt Đảng. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, kỷ luật Đảng
- Coi trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, Đảng viên
- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ cấp trên đối với cơ sở
- Chính đồn Đảng gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, kiện toàn hệ thống chính trị

Nâng cao Vai trò Nhà nước:

- Cần thành lập hệ thống cơ chế, chính sách, luật pháp minh bạch, nhất quán và phù hợp với những chủ trương, định hướng chính trị của Đảng
- Phân cấp hợp lý, rõ ràng chức năng, quyền hạn giữa chính phủ, các bộ ngành Trung ương và cấp tỉnh;
- Tăng cường phân cấp, phân quyền giữa Trung ương và chính quyền cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh với cấp huyện, xã theo hướng tăng cường quyền tự chủ
- Khắc phục tình trạng bỏ trống, trùng lặp nhiệm vụ, quyền hạn ở HDND, UBND các cấp
- Cần coi trọng vai trò của bộ máy tổ chức trong thôn xóm, khối phố, đẩy mạnh hiệu quả quản lý trong thôn xóm
- Cải cách hành chính, chế độ công chức, công vụ; nâng cao chất lượng tuyển dụng đồng thời hạn chế tối đa các tệ nạn tham nhũng, quan liêu

nâng cao Vai trò nhân dân:

- Đặt ND ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy, chú trọng đầu tư nhân tố và nguồn lực con người.
- Chăm lo, phát huy nhân dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển vững bền của đất nước.

Câu 5:

Các loại thị trường cơ bản cơ bản ở VN:

- Thị trường hàng hoá - dịch vụ
- Thị trường sức lao động
- Thị trường tài chính

- Thị trường bất động sản
- Thị trường khoa học - công nghệ

Giải pháp phát triển đồng bộ các loại thị trường:

- Đổi mới tư duy, nhận thức về phát triển các loại thị trường. Đó là các quy luật của kinh tế thị trường kết hợp với tính định hướng XHCN trong việc xây dựng nền kinh tế ở nước ta.
- Hoàn thiện môi trường thể chế, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước.
- Tiếp tục đẩy mạnh quá trình đa dạng hóa sở hữu, phát triển nền kinh tế với nhiều loại hình sản xuất kinh doanh, vừa tạo ra sức cung, vừa tạo ra sức cầu cho các loại thị trường.
- Đầu tư tạo tiền đề, cơ sở cho sự hình thành và phát triển các loại thị trường.

Câu hỏi ngoài

- Các yếu tố thị trường và các loại thị trường còn mới, ở trình độ sơ khai.
- Hệ thống thể chế ở Việt Nam mang tính chất đặc thù, cần thời gian để bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình kinh tế Việt Nam.
- Nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa đủ rõ.
- Tư duy bao cấp còn ảnh hưởng nặng nề.
- Năng lực xây dựng và thực thi thể chế còn nhiều bất cập, chưa theo kịp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường.
- Việc quán triệt, tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở các cấp, các ngành, nhất là người đứng đầu thiếu quyết liệt, hiệu quả thấp và chưa nghiêm.
- Vai trò, chức năng, phương thức hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị chậm đổi mới phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường trong điều kiện hội nhập quốc tế.
- Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên làm giảm hiệu lực, hiệu quả trong thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.